

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014  
đã được soát xét*



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban lãnh đạo</b>	2 – 3
<b>Báo cáo kết quả công tác soát xét</b>	4
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét</b>	5 – 32
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 32



## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001012 ngày 03 tháng 5 năm 2002, các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 27.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 bao gồm:

- Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Kinh doanh khách sạn, các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ, các mặt hàng nhựa, may mặc đồ da, giả da và sản phẩm in các loại;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

#### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 32).

#### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT	Đại diện pháp luật của Công ty
Bà Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên	
Ông Hoàng Minh Thọ	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2014
Ông Trần Vũ Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2014
Ông Phạm Ngọc Quý	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2014
Bà Tô Thanh Huyền	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2014
Ông Chu Xuân Kiên	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2014
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban lãnh đạo** (tiếp theo)

**BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Tô Thanh Huyền	Phó Giám đốc	
Ông Phạm Văn Vinh	Phó Giám đốc	
Ông Vũ Minh Đức	Phó Giám đốc	
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2014
Bà Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2014

**TM. Ban lãnh đạo**

**Chủ tịch HĐQT**



**Phạm Xuân Hà**



Số: 361./2014/BCSX-AASCN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long, được lập ngày 21 tháng 11 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 được trình bày từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban lãnh đạo Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình soát xét chúng tôi nhận thấy một phần khoản chi phí lãi vay đã phát sinh trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 với số tiền là 1.500.000.000 đồng đang được phản ánh trên khoản mục "Chi phí trả trước ngắn hạn" mà chưa ghi nhận vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Nếu thực hiện ghi nhận khoản chi phí lãi vay nêu trên vào chi phí trong kỳ theo yêu cầu của chuẩn mực kế toán thì chỉ tiêu "Chi phí trả trước ngắn hạn" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 sẽ giảm số tiền là 1.500.000.000 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" sẽ tăng là 1.500.000.000 đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm là 1.500.000.000 đồng.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của việc chưa ghi nhận chi phí lãi vay như mô tả ở đoạn trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2014

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



**Bùi Ngọc Vương**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên

**Bùi Ngọc Hà**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2014	01/4/2014
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>88.329.835.855</b>	<b>80.893.309.927</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.953.125.979</b>	<b>7.867.623.577</b>
1.	Tiền	111	V.01	1.203.125.979	4.117.623.577
2.	Các khoản tương đương tiền	112		3.750.000.000	3.750.000.000
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14.251.366.541</b>	<b>18.092.321.559</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		9.859.890.547	14.971.846.936
2.	Trả trước cho người bán	132		2.752.638.928	1.746.733.761
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	1.638.837.066	1.373.740.862
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>65.832.381.700</b>	<b>54.157.642.447</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	65.832.381.700	54.157.642.447
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.292.961.635</b>	<b>775.722.344</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.550.489.679	110.658.723
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		406.527.469	191.555.334
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	106.598.913	18.418.487
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	1.229.345.574	455.089.800

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2014	01/4/2014
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>20.881.384.300</b>	<b>21.307.434.161</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>44.380.000</b>	<b>44.380.000</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.06	44.380.000	44.380.000
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.850.073.977</b>	<b>8.903.374.566</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	5.853.636.735	5.983.644.710
	- Nguyên giá	222		41.554.562.980	40.799.285.025
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(35.700.926.245)	(34.815.640.315)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	49.342.097	54.284.711
	- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(45.657.903)	(40.715.289)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	2.947.095.145	2.865.445.145
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.10</b>	<b>7.639.982.996</b>	<b>7.805.211.512</b>
1.	Nguyên giá	241		8.261.425.803	8.261.425.803
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(621.442.807)	(456.214.291)
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	1.200.000.000	1.200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.146.947.327</b>	<b>3.354.468.083</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	3.146.947.327	3.354.468.083
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>109.211.220.155</b>	<b>102.200.744.088</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2014	01/4/2014
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>85.283.551.402</b>	<b>71.812.245.339</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>81.562.628.411</b>	<b>67.965.505.836</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	54.398.047.319	58.541.939.002
2.	Phải trả người bán	312		1.131.118.522	1.021.673.716
3.	Người mua trả tiền trước	313		22.532.741.054	3.999.000.000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	81.287.841	649.207.895
5.	Phải trả người lao động	315		189.060.179	162.561.472
6.	Chi phí phải trả	316	V.15	-	9.000.000
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	3.211.302.743	3.580.877.998
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		19.070.753	1.245.753
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.720.922.991</b>	<b>3.846.739.503</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		1.065.258.273	1.065.258.273
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		17.782.142	17.782.142
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.17	2.637.882.576	2.763.699.088
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>23.927.668.753</b>	<b>30.388.498.749</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>23.896.508.753</b>	<b>30.299.438.749</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.863.277.098	1.863.277.098
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(4.966.768.345)	1.436.161.651
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>31.160.000</b>	<b>89.060.000</b>
1.	Nguồn kinh phí	432	V.19	31.160.000	89.060.000
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>109.211.220.155</b>	<b>102.200.744.088</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)****CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/9/2014	01/4/2014
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		133.833.648	133.833.648
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Phạm Xuân Hà

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014	Từ 01/4/2013 đến 30/9/2013
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	18.282.966.581	18.765.434.413
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	1.021.186.222	4.350.501.896
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	17.261.780.359	14.414.932.517
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	15.959.078.001	13.031.807.112
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.302.702.358	1.383.125.405
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	113.450.842	17.081.886
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	2.076.172.470	3.105.503.279
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.076.172.470	3.105.133.237
8.	Chi phí bán hàng	24		1.686.968.888	798.159.602
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.778.925.838	2.264.516.606
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.125.913.996)	(4.767.972.196)
11.	Thu nhập khác	31		-	235.410.395
12.	Chi phí khác	32		62.016.000	114.574.592
13.	Lợi nhuận khác	40		(62.016.000)	120.835.803
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.187.929.996)	(4.647.136.393)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	7.600.464
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(5.187.929.996)	(4.654.736.857)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.07	(1.921)	(1.724)

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Phạm Xuân Hà

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014	Từ 01/4/2013 đến 30/9/2013
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		41.788.200.041	27.010.350.771
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(28.244.295.644)	(35.467.161.993)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.408.643.367)	(5.004.053.247)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(3.576.172.470)	(3.105.133.237)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(159.488.706)	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		295.000.597	314.937.582
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.427.362.741)	(5.585.718.269)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.267.237.710</b>	<b>(21.836.778.393)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(810.477.955)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		113.450.842	15.681.077
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(697.027.113)</b>	<b>15.681.077</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014	Từ 01/4/2013 đến 30/9/2013
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		35.166.471.500	45.025.789.514
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(39.436.179.695)	(20.128.987.160)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.215.000.000)	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.484.708.195)</b>	<b>24.896.802.354</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(2.914.497.598)</b>	<b>3.075.705.038</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>7.867.623.577</b>	<b>6.377.788.802</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>4.953.125.979</b>	<b>9.453.493.840</b>

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT






Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Phạm Xuân Hà

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

#### **02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

#### **03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 bao gồm:

- Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Kinh doanh khách sạn, các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ, các mặt hàng nhựa, may mặc đồ da, giả da và sản phẩm in các loại;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày.

#### **04. Công ty con được hợp-nhất**

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 30/9/2014	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Tại ngày 30/9/2014	Tại ngày 01/4/2014
- Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

#### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

#### 03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Cơ sở hợp nhất

##### *Các công ty con*

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

#### 02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### 03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

20  
1H  
NH  
VÀ  
TQM  
ÁI  
T  
P.V

## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

#### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc thiết bị	6 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
- TSCĐ hữu hình khác	8 - 12 năm
- Phần mềm máy vi tính	8 năm

### 05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

#### *Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

#### *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	25 năm
-----------	--------

### 06. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

### **07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### **08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Tiền thuê đất trả trước;
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

### **09. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu hoặc bổ sung từ các quỹ và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

*Đơn vị tính: VND*

### 01. Tiền

	<u>30/9/2014</u>	<u>01/4/2014</u>
- Tiền mặt	546.542.028	1.218.102.417
- Tiền gửi ngân hàng	656.583.951	2.899.521.160
<b>Cộng</b>	<b><u>1.203.125.979</u></b>	<b><u>4.117.623.577</u></b>

### 02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>30/9/2014</u>	<u>01/4/2014</u>
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	37.200.000	-
- Phải thu khác	1.601.637.066	1.373.740.862
<b>Cộng</b>	<b><u>1.638.837.066</u></b>	<b><u>1.373.740.862</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Hàng tồn kho**

	<u>30/9/2014</u>	<u>01/4/2014</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	7.594.635.420	6.553.511.207
- Công cụ, dụng cụ	830.153.221	408.131.342
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	33.800.271.023	26.773.783.044
- Thành phẩm	21.205.017.180	18.734.236.399
- Hàng hoá	1.781.467.711	1.137.239.091
- Hàng gửi đi bán	620.837.145	550.741.364
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b><u>65.832.381.700</u></b>	<b><u>54.157.642.447</u></b>

**04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<u>30/9/2014</u>	<u>01/4/2014</u>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	97.530.344	17.600.218
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	8.250.300	-
<b>Cộng</b>	<b><u>106.598.913</u></b>	<b><u>18.418.487</u></b>

**05. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>30/9/2014</u>	<u>01/4/2014</u>
- Tạm ứng	1.229.345.574	455.089.800
<b>Cộng</b>	<b><u>1.229.345.574</u></b>	<b><u>455.089.800</u></b>

**06. Phải thu dài hạn khác**

	<u>30/9/2014</u>	<u>01/4/2014</u>
- Phải thu dài hạn khác	44.380.000	44.380.000
<b>Cộng</b>	<b><u>44.380.000</u></b>	<b><u>44.380.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>10.972.065.762</b>	<b>25.988.158.258</b>	<b>2.322.644.990</b>	<b>349.239.818</b>	<b>1.167.176.197</b>	<b>40.799.285.025</b>
- Mua trong kỳ	-	275.732.500	-	-	479.545.455	755.277.955
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>10.972.065.762</b>	<b>26.263.890.758</b>	<b>2.322.644.990</b>	<b>349.239.818</b>	<b>1.646.721.652</b>	<b>41.554.562.980</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>9.029.631.763</b>	<b>22.932.219.446</b>	<b>1.566.439.353</b>	<b>330.366.644</b>	<b>956.983.109</b>	<b>34.815.640.315</b>
- Khấu hao trong kỳ	125.259.851	625.033.765	72.489.996	5.863.069	56.639.249	885.285.930
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>9.154.891.614</b>	<b>23.557.253.211</b>	<b>1.638.929.349</b>	<b>336.229.713</b>	<b>1.013.622.358</b>	<b>35.700.926.245</b>

**III. Giá trị còn lại**

<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>1.942.433.999</b>	<b>3.055.938.812</b>	<b>756.205.637</b>	<b>18.873.174</b>	<b>210.193.088</b>	<b>5.983.644.710</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>1.817.174.148</b>	<b>2.706.637.547</b>	<b>683.715.641</b>	<b>13.010.105</b>	<b>633.099.294</b>	<b>5.853.636.735</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 14.163.996.266 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.942.210.017 đồng và 683.492.229 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>34.748.281</i>	<i>5.967.008</i>	<i>40.715.289</i>
- Khấu hao trong kỳ	2.755.116	2.187.498	4.942.614
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>37.503.397</i>	<i>8.154.506</i>	<i>45.657.903</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>25.251.719</i>	<i>29.032.992</i>	<i>54.284.711</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>22.496.603</i>	<i>26.845.494</i>	<i>49.342.097</i>

**09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/9/2014	01/4/2014
Bao gồm các công trình:		
- Công trình 181 Lạc Long Quân	929.691.727	929.691.727
- Công trình 45 Lạc Long Quân	973.659.328	973.659.328
- Công trình 343 Lạc Long Quân	142.425.000	60.775.000
- Công trình 323 Vĩnh Hưng	901.319.090	901.319.090
<b>Cộng</b>	<b>2.947.095.145</b>	<b>2.865.445.145</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>I. Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>	<b>8.261.425.803</b>	-	-	<b>8.261.425.803</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.261.425.803	-	-	8.261.425.803
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>456.214.291</b>	<b>165.228.516</b>	-	<b>621.442.807</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	456.214.291	165.228.516	-	621.442.807
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>	<b>7.805.211.512</b>	-	<b>165.228.516</b>	<b>7.639.982.996</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	7.805.211.512	-	165.228.516	7.639.982.996
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

Giá trị bất động sản đầu tư là xưởng sản xuất nhựa tại cụm Công nghiệp Thực phẩm Hapro.

**11. Đầu tư dài hạn khác**

	30/9/2014		01/4/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>		<b>1.200.000.000</b>		<b>1.200.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Rượu Hapro	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Thăng Long	20.000	200.000.000	20.000	200.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.200.000.000</b>		<b>1.200.000.000</b>

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/9/2014	01/4/2014
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	493.225.290	637.692.366
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	2.653.722.037	2.716.775.717
<b>Cộng</b>	<b>3.146.947.327</b>	<b>3.354.468.083</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

	30/9/2014	01/4/2014
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>54.398.047.319</b>	<b>58.541.939.002</b>
- <b>Vay ngân hàng</b>	<b>40.887.944.895</b>	<b>42.700.880.561</b>
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Tây Hồ <sup>(a)</sup>	9.915.286.183	7.114.912.109
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng <sup>(b)</sup>	12.871.896.045	14.583.571.045
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(c)</sup>	9.673.700.000	9.997.980.742
+ Ngân hàng TMCP Đông Á <sup>(d)</sup>	6.897.062.667	10.537.872.497
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội <sup>(e)</sup>	1.530.000.000	466.544.168
- <b>Vay đối tượng khác</b> <sup>(f)</sup>	<b>13.510.102.424</b>	<b>15.841.058.441</b>
+ Công ty Thương mại dịch vụ Tràng Thi	-	3.000.000.000
+ Các cá nhân	13.510.102.424	12.841.058.441
<b>Cộng</b>	<b>54.398.047.319</b>	<b>58.541.939.002</b>

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các loại nguyên vật liệu, vật tư sản xuất thành phẩm rượu và quyền thuê đất tại địa chỉ số 343 đường Lạc Long Quân, Cầu Giấy, Hà Nội, lãi suất vay từ 11,5%/năm đến 12,5%/năm.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 05 xe ô tô và 03 xe nâng hàng, lãi suất vay từ 11%/năm đến 11,7%/năm.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong để bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu sản xuất rượu vang và thành phẩm và quyền thuê đất tại kho Vĩnh Tuy, xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì, Hà Nội, lãi suất vay từ 9%/năm đến 10,4%/năm.
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Á để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo theo Thư bảo lãnh số 41 ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội (Hapro) trị giá 8.800.000.000 đồng, lãi suất vay từ 11% đến 12%/năm.
- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng cam kết thanh toán bằng văn bản của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội theo Giấy bảo lãnh số 40/BL-TCT-QTNS ngày 05 tháng 7 năm 2013, trị giá 2.000.000.000 đồng, lãi suất 10,7%/năm.
- (f) Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất từ 11%/năm đến 13,5%/năm.

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/9/2014	01/4/2014
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	-	373.114.147
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	21.826.900	147.779.165
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	79.558.580
- Thuế thu nhập cá nhân	59.460.941	42.756.003
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	6.000.000
<b>Cộng</b>	<b>81.287.841</b>	<b>649.207.895</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**15. Chi phí phải trả**

	30/9/2014	01/4/2014
- Trích trước chi phí khác	-	9.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>9.000.000</b>

**16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	30/9/2014	01/4/2014
- Kinh phí công đoàn	149.962.236	-
- Bảo hiểm xã hội	234.427.186	203.603.201
- Bảo hiểm y tế	1.573.200	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.825.340.121	3.377.274.797
+ <i>Phải trả Tổng Công ty Thương mại Hà Nội về tiền hỗ trợ vốn bán hàng bình ổn giá</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>
+ <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>825.340.121</i>	<i>1.377.274.797</i>
<b>Cộng</b>	<b>3.211.302.743</b>	<b>3.580.877.998</b>

**17. Vay và nợ dài hạn**

	30/9/2014	01/4/2014
<b>Vay dài hạn</b>	<b>2.637.882.576</b>	<b>2.763.699.088</b>
- <i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>2.637.882.576</i>	<i>2.763.699.088</i>
+ Ngân hàng TMCP Công thương VN - Sở GD 1 <sup>(a)</sup>	2.303.082.576	2.763.699.088
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(b)</sup>	334.800.000	-
<i>Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>2.637.882.576</b>	<b>2.763.699.088</b>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương VN - Sở GD 1 để xây dựng nhà xưởng tại cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị và các tài sản khác hình thành trên đất tại cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro, lãi suất vay là 13%/năm.

(b) Khoản vay của ngân hàng TMCP Tiên Phong để thanh toán tiền mua ô tô 3,5 tấn hiệu Hyundai với lãi suất linh hoạt 4,9%/năm trong 06 tháng đầu, sau đó thay đổi theo lãi suất hiện hành, thời hạn thanh toán 4 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**18. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>21.088.000</b>	<b>8.805.595.673</b>	<b>1.863.277.098</b>	<b>(768.825.482)</b>	<b>27.921.135.289</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	2.378.303.460	2.378.303.460
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ lợi nhuận để lại và các quỹ	9.000.000.000	(21.088.000)	(8.805.595.673)	-	(173.316.327)	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.863.277.098</b>	<b>1.436.161.651</b>	<b>30.299.438.749</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(5.187.929.996)	(5.187.929.996)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(1.215.000.000)	(1.215.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.863.277.098</b>	<b>(4.966.768.345)</b>	<b>23.896.508.753</b>

(\*) Công ty chia cổ tức với tỷ lệ 4,5% theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 số 01/CPVTL ngày 03 tháng 6 năm 2014.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>30/9/2014</u>	<u>01/4/2014</u>
- Vốn góp của Nhà nước	10.800.000.000	10.800.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	16.200.000.000	16.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>27.000.000.000</u></b>	<b><u>27.000.000.000</u></b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014</u>	<u>Từ 01/4/2013 đến 30/9/2013</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.000.000.000	18.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	9.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.215.000.000	-

**d. Cổ phiếu**

	<u>30/9/2014</u>	<u>01/4/2014</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**19. Nguồn kinh phí**

	<u>Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014</u>
<b>Nguồn kinh phí dư đầu kỳ</b>	<b>89.060.000</b>
- Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-
- Chi sự nghiệp	(57.900.000)
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ</b>	<b><u>31.160.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014	Từ 01/4/2013 đến 30/9/2013
- Doanh thu bán hàng hóa	13.505.761.247	11.572.375.069
- Doanh thu bán thành phẩm	1.091.064.403	5.740.215.530
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.927.504.568	666.752.903
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	758.636.363	786.090.911
<b>Cộng</b>	<b>18.282.966.581</b>	<b>18.765.434.413</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014	Từ 01/4/2013 đến 30/9/2013
- Chiết khấu thương mại	164.777.937	485.720.890
- Hàng bán bị trả lại	740.076.980	3.227.106.000
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	116.331.305	637.675.006
<b>Cộng</b>	<b>1.021.186.222</b>	<b>4.350.501.896</b>

**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014	Từ 01/4/2013 đến 30/9/2013
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	13.505.761.247	11.572.375.069
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	69.878.181	1.389.713.634
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.927.504.568	666.752.903
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	758.636.363	786.090.911
<b>Cộng</b>	<b>17.261.780.359</b>	<b>14.414.932.517</b>

**04. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014	Từ 01/4/2013 đến 30/9/2013
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	13.441.282.423	11.359.005.174
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	44.834.736	1.287.037.009
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.297.360.864	280.854.951
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	175.599.978	104.909.978
<b>Cộng</b>	<b>15.959.078.001</b>	<b>13.031.807.112</b>

**05. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014	Từ 01/4/2013 đến 30/9/2013
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	113.450.842	15.681.077
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.400.809
<b>Cộng</b>	<b>113.450.842</b>	<b>17.081.886</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**06. Chi phí tài chính**

	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014	Từ 01/4/2013 đến 30/9/2013
- Lãi tiền vay	2.076.172.470	3.105.133.237
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	370.042
<b>Cộng</b>	<b>2.076.172.470</b>	<b>3.105.503.279</b>

**07. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014	Từ 01/4/2013 đến 30/9/2013
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(5.187.929.996)	(4.654.736.857)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.187.929.996)	(4.654.736.857)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.700.000	2.700.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.921)</b>	<b>(1.724)</b>

**08. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.751.023.042
- Chi phí nhân công	5.892.562.514
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.055.457.060
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	478.813.355
- Chi phí khác bằng tiền	1.303.103.093
<b>Cộng</b>	<b>16.480.959.064</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng như sau:

	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
Tiền lương	360.682.929
Tiền thưởng	59.505.648
Thù lao HĐQT	76.000.000
<b>Cộng</b>	<b>496.188.577</b>

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **02. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

#### ***Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:***

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì.
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến, bao bì.
- Dịch vụ: Cho thuê tài sản và dịch vụ khác.
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
<i>Đơn vị tính: VND</i>					
<b>Từ 01/4/2013 đến 30/9/2014</b>					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	69.878.181	13.505.761.247	2.927.504.568	758.636.363	17.261.780.359
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	72.055.005	18.702.301.635	3.437.737.737	175.599.978	22.387.694.355
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(2.176.824)	(5.196.540.388)	(510.233.169)	583.036.385	(5.125.913.996)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	847.276.592	-	-	-	847.276.592
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	632.011.549	397.704.471	86.206.296	175.599.978	1.291.522.294
<b>Số dư tại 30/9/2014</b>					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	57.711.925.750	27.461.154.992	5.952.471.335	10.293.705.033	101.419.257.110
- Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	7.791.963.045
<b>Tổng tài sản</b>	<b>57.711.925.750</b>	<b>27.461.154.992</b>	<b>5.952.471.335</b>	<b>10.293.705.033</b>	<b>109.211.220.155</b>
- Nợ phải trả bộ phận	351.358.761	67.909.145.094	14.719.964.972	2.303.082.576	85.283.551.402
- Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>351.358.761</b>	<b>67.909.145.094</b>	<b>14.719.964.972</b>	<b>2.303.082.576</b>	<b>85.283.551.402</b>

**Khu vực địa lý kinh doanh:**

Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	30/9/2014	01/4/2014	30/9/2014	01/4/2014
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.953.125.979	-	7.867.623.577	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.543.107.613	-	16.389.967.798	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>17.696.233.592</b>	<b>-</b>	<b>25.457.591.375</b>	<b>-</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	30/9/2014	01/4/2014	30/9/2014	01/4/2014
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	2.196.376.795	2.086.931.989	2.196.376.795	2.086.931.989
Vay và nợ	57.035.929.895	61.305.638.090	57.035.929.895	61.305.638.090
Chi phí phải trả	-	9.000.000	-	9.000.000
Các khoản phải trả khác	2.843.122.263	3.395.056.939	2.843.122.263	3.395.056.939
<b>Cộng</b>	<b>62.075.428.953</b>	<b>66.796.627.018</b>	<b>62.075.428.953</b>	<b>66.796.627.018</b>

036  
 NH  
 3 TY  
 VUT  
 NH  
 HEM  
 AM  
 Y

## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### 05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số dư tại 30/9/2014</b>				
Phải trả cho người bán	1.131.118.522	1.065.258.273	-	2.196.376.795
Vay và nợ	54.398.047.319	2.637.882.576	-	57.035.929.895
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	2.825.340.121	17.782.142	-	2.843.122.263
<b>Cộng</b>	<b><u>58.354.505.962</u></b>	<b><u>3.720.922.991</u></b>	<b>-</b>	<b><u>62.075.428.953</u></b>
<b>Số dư 01/4/2014</b>				
Phải trả cho người bán	1.021.673.716	1.065.258.273	-	2.086.931.989
Vay và nợ	58.541.939.002	2.763.699.088	-	61.305.638.090
Chi phí phải trả	9.000.000	-	-	9.000.000
Các khoản phải trả khác	3.377.274.797	17.782.142	-	3.395.056.939
<b>Cộng</b>	<b><u>62.949.887.515</u></b>	<b><u>3.846.739.503</u></b>	<b>-</b>	<b><u>66.796.627.018</u></b>

#### 06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### **Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

### 07. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2013 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013 chưa được soát xét. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 4 năm 2013 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013 đã được điều chỉnh theo quy định của chuẩn mực kế toán hiện hành, cụ thể:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu đã công bố	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
Doanh thu hoạt động tài chính	21	58.466.277	17.081.886	(41.384.391)
Chi phí hoạt động tài chính	22	64.687.670	3.105.503.279	3.040.815.609
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	<i>64.317.628</i>	<i>3.105.133.237</i>	<i>3.040.815.609</i>
Chi phí bán hàng	24	666.610.980	798.159.602	131.548.622
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	746.140.601	2.264.516.606	1.518.376.005
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(35.847.569)	(4.767.972.196)	(4.732.124.627)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	50	84.988.234	(4.647.136.393)	(4.732.124.627)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	77.387.770	(4.654.736.857)	(4.732.124.627)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	43	(1.724)	(1.767)



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

**08. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2014

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Chủ tịch HĐQT**



**Trần Thị Hoàng Liên**

**Trần Thị Hoàng Liên**

**Phạm Xuân Hà**

